

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- HS xác định được thể loại của văn bản, ngôi kể.
- HS phát hiện và vận dụng được các kiến thức Tiếng Việt đã học: từ ghép, từ láy, biện pháp tu từ.
- HS vận dụng được các phương pháp làm văn tự sự vào một bài viết cụ thể.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề sáng tạo.

**b. Năng lực chuyên biệt:**

- Phát hiện, phân loại và phân tích từ vựng tiếng Việt.
- Xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng.
- Viết bài văn hoàn chỉnh, xác định đúng yêu cầu đề bài, đúng thể loại, bố cục hợp lí.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực trong kiểm tra.
- Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức.

**II. Ma trận đặc tả đề kiểm tra**

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC				Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	CH TN	CH TL	
<b>ĐỌC HIỂU</b>	- Đọc văn bản Câu chuyện của hạt đỗ gai, Con Vẹt nghèo.	- Thể loại, ngôi kể. - Từ láy.		- Rút ra bài học câu chuyện.				
	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<b>3</b> <b>1,5</b> <b>15%</b>		<b>1</b> <b>0,5</b> <b>5%</b>		<b>4</b> <b>2</b> <b>20%</b>		<b>4</b> <b>2</b> <b>20%</b>
	- Phân tích ngữ liệu mở.		- Xác định biện pháp tu từ, nêu hiệu quả biểu đạt.					
	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>		<b>1</b> <b>3,0</b> <b>30%</b>			<b>1</b> <b>3,0</b> <b>30%</b>		<b>1</b> <b>3,0</b> <b>30%</b>

<b>TẠO LẬP VĂN BẢN</b>	<b>Viết bài tập làm văn tự sự.</b>	Tạo lập văn bản tự sự kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.					
	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>		<b>1</b> <b>5,0</b> <b>50%</b>			<b>1</b> <b>5,0</b> <b>50%</b>	<b>1</b> <b>5,0</b> <b>50%</b>
<b>Tổng số câu</b>		<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>		<b>6</b>	
<b>Số điểm</b>		<b>1,5</b>	<b>3,0</b>	<b>5,5</b>		<b>10</b>	
<b>%</b>		<b>15%</b>	<b>30%</b>	<b>55%</b>		<b>100%</b>	

**III. Nội dung đề thi:**(đính kèm trang sau)

**IV. Hướng dẫn và biểu điểm:** (đính kèm trang sau)

**Phần I: (2 điểm).** Đọc đoạn văn sau và ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

**CÂU CHUYỆN CỦA HẠT DẼ GAI**

“Tôi là đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai trong rừng già, trên sườn núi cao cheo leo. Mùa xuân đến, từ trên cánh tay và mái tóc của mẹ, từng nụ hoa đã nhú ra như quả cầu xanh có tua gai nhỏ.[...]

Khi thu về, trái dẻ khô đi, lớp áo gai đã chuyển sang màu vàng cháy. Hạt dẻ căng tròn làm nứt bung cả tấm áo gai xù đã quá chật chội. Tôi vẫn nằm im trong lớp áo gai xù, nép vào một cánh tay của mẹ. Tôi chẳng muốn chui khỏi tấm áo ấm áp, an toàn đó chút nào. Nhưng rồi những ngày thu êm ả cũng trôi qua.[...]

Khi mùa đông đến, tôi cứ thu mình mãi trong tấm áo gai xù ấm áp của họ nhà dẻ gai và nép mỗi vào tay mẹ, tóc mẹ. Tôi sợ phải xa mẹ, sợ phải tự sống một mình. Tôi sợ những gì lạ lẫm trong rừng già...”

(Theo Phương Thanh Trang, trích *Câu chuyện của hạt dẻ gai*, tạp chí Văn học và tuổi trẻ, số 12 (465), 2020)

**Câu 1:** Văn bản “*Câu chuyện hạt dẻ gai*” thuộc thể loại:

- A. tùy bút. B. kí.  
C. truyện đồng thoại. D. thơ.

**Câu 2:** Ngôi kể của văn bản trên là:

- A. ngôi thứ nhất. B. ngôi thứ ba.  
C. ngôi thứ hai. D. ngôi thứ tư.

**Câu 3:** Dòng nào sau đây gồm các từ láy:

- A. cheo leo, ấm áp, cánh tay. B. cheo leo, ù ù, vững chãi.  
C. cheo leo, ù ù, lạ lẫm. D. cheo leo, vụn vụn, ù ù.

**Câu 4:** Bài học rút ra từ văn bản “*Câu chuyện của hạt dẻ gai*” là:

- A. không nên dựa dẫm ý lại vào người khác. B. luôn tự tin vào vẻ đẹp của bản thân.  
C. đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau. D. giúp đỡ người khác khi gặp hoàn cảnh khó khăn.

**Phần II: (8 điểm):**

**Câu 1 (3 điểm):** Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Ông trời  
Mặc áo giáp đen  
Ra trận  
Muôn nghìn cây mía  
Múa gươm  
Kiến  
Hành quân  
Đầy đường.

(*Mưa* - Trần Đăng Khoa)

**Câu 2 (5 điểm):** Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em khi học trực tuyến.

- Hết -

Thí sinh không sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích thêm.

Phần	Đáp án	Điểm	
	<b>Trắc nghiệm</b>		
	<b>1</b>	C	
	<b>2</b>	A	
	<b>3</b>	D	
	<b>4</b>	A	
	<b>Tự luận</b>		
<b>I</b>	<b>1</b>	- Gọi được tên biện pháp tu từ: Nhân hóa	0,5
		- Chỉ rõ từ ngữ, hình ảnh nhân hoá: “ông, mặc áo giáp, ra trận, múa gươm, hành quân”.(Nếu học sinh chỉ nêu được 3 từ ngữ, hình ảnh cho 0.5 điểm)	0,75
		- Tác dụng: + Làm cho thế giới loài vật trở nên sinh động, gần gũi như thế giới của con người.	0,5
		+ Làm nổi bật khung cảnh bầu trời, thiên nhiên trước cơn mưa rào. + Qua đó thấy được trí tưởng tượng phong phú, con mắt quan sát tinh tế của tác giả dành cho thế giới trẻ thơ.	0,75 0,5
<b>II</b>	<b>2</b>	<p><b>a. Yêu cầu về hình thức</b> Đảm bảo một bài văn có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách logic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận,...</p> <p><b>b. Yêu cầu về nội dung:</b> HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:</p> <p><b>I. Mở bài</b> - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ trong thời gian học trực tuyến của bản thân.</p> <p><b>II. Thân bài</b> Diễn biến trải nghiệm (Học sinh có thể kể lại theo trình tự thời gian, không gian...) nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: + Giới thiệu về thời gian, không gian xảy ra sự việc và có những nhân vật nào liên quan đến câu chuyện. + Tính thống nhất về nội dung câu chuyện. + Kể lại các sự việc của câu chuyện.</p> <p><b>III. Kết bài</b> - Cảm nghĩ và bài học em rút ra sau trải nghiệm đáng nhớ đó.</p> <p><b>Biểu điểm:</b> - Điểm 5: + Bài làm đúng kiểu văn bản tự sự. + Bố cục rõ ràng, mạch lạc, liên kết chặt chẽ. + Lời văn biểu đạt chính xác, gọn gàng.</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chữ viết đẹp, trình bày sạch, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả.</li> <li>- Điểm 4:</li> <li>+ Đạt các yêu cầu trên.</li> <li>+ Còn mắc vài lỗi chính tả và diễn đạt.</li> <li>+ Có thể còn thiếu ý trong phần thân bài (nhưng không đáng kể)</li> <li>- Điểm 3:</li> <li>+ Bài làm ở mức độ trung bình.</li> <li>+ Còn mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</li> <li>- Điểm 2:</li> <li>+ Vận dụng phương pháp làm bài tập còn yếu.</li> <li>+ Bố cục không rõ ràng, hợp lí.</li> <li>- Điểm 1: lạc đề, sai yêu cầu.</li> <li>- Điểm 0: không làm bài.</li> </ul>	
--	--	--

**BGH duyệt**

**Tổ-nhóm CM**

**Người ra đề**

*Lê Thị Ngọc Anh*

*Đặng Bích Ngọc*

*Nguyễn Thu Phương*

**Phần I: (2 điểm). Đọc đoạn văn sau và ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:  
CON VỆT NGHÈO**

“Hằng năm, mỗi khi mùa xuân về, các giống chim và thú vật lại rủ nhau tới rừng mở hội.[...]. Trong bầy chim muôn hình ngàn vẻ kia, có chú Vẹt áo đen. Chú ta cũng khắp khởi đi thi. Gặp ai, nó cũng khoe mình có rất nhiều giọng hát. Nhìn thấy Vượn, nó hú tiếng Vượn. Nhác thấy Ếch bì bộp nhẩy ra, nó cũng hé mỏ “ốp ốp” luôn. Trên đường đi, gặp Họa Mi đang cố luyện giọng, Vẹt tỏ vẻ thương hại. Nó nghĩ: “Việc gì mà phải hát lên hát xuống mãi thế?”. Gặp Sáo líu lo khúc hát đồng quê, Vẹt không thèm lắng nghe. Cây mình biết hát nhiều giọng còn tuyệt vời hơn thế nên nó huênh hoang lắm. Gặp ai, nó cũng khoe trước:

- Kì thi này, tôi chiếm giải nhất cho mà xem!

Vào cuộc thi, tất cả đều rất vui và cũng rất lo. Sẽ có và đang có ở đây biết bao nhiêu tài năng, chưa thể rõ ai xuất sắc nhất. Bởi thế, loài chim nào cũng yên lặng chờ đợi. Chỉ có Vẹt là cứ lảng xãng, chạy chỗ nọ chỗ kia, làm như mình sắp đoạt giải đến nơi...”

(Phong Thu, *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2018)

**Câu 1:** Thể loại của văn bản trên là:

- A. tùy bút.                      B. kí.                      C. truyện đồng thoại.                      D. thơ.

**Câu 2:** Ngôi kể của văn bản trên là:

- A. ngôi thứ nhất.                      B. ngôi thứ ba.  
C. ngôi thứ hai.                      D. ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

**Câu 3:** Tìm từ láy trong câu sau: “Chỉ có Vẹt là cứ lảng xãng, chạy chỗ nọ chỗ kia, làm như mình sắp đoạt giải đến nơi.”

- A. chỗ nọ chỗ kia.                      B. đoạt giải.                      C. đến nơi.                      D. lảng xãng.

**Câu 4:** Dòng **không thể hiện** bài học rút ra từ văn bản là:

- A. không nên gây gỗ, mất đoàn kết.                      B. không nên tự cao, tự đại.  
C. đối với những người tài giỏi ta nên                      D. tự tạo thành quả của riêng mình, không nên  
khiêm nhường, học hỏi.                      bắt chước người khác.

**Phần II: (8 điểm):**

**Câu 1 (3 điểm):** Chỉ ra một biện pháp tu từ trong khổ thơ sau và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Trăng ơi...từ đâu đến?  
Hay từ cánh rừng xa  
Trăng hồng như quả chín  
Lừng lơ lên trước nhà.

Trăng ơi...từ đâu đến?  
Hay biển xanh diệu kỳ  
Trăng tròn như mắt cá  
Chẳng bao giờ chớp mí.

(*Trăng ơi...từ đâu đến?*-Trần Đăng Khoa)

**Câu 2 (5 điểm):** Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em trong tình hình dịch bệnh Covid-19.

- Hết -

Thí sinh không sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích thêm.

Phần	Đáp án	Điểm	
	<b>Câu</b>	<b>Trắc nghiệm</b>	
	<b>1</b>	C	0,5
	<b>2</b>	B	0,5
	<b>3</b>	D	0,5
	<b>4</b>	A	0,5
	<b>Tự luận</b>		
<b>I</b>	<i>(HS chọn một trong số các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ)</i>		
	<b>1</b>	<p><b>(1) Điệp ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên biện pháp tu từ: Điệp ngữ</li> <li>- Chỉ ra câu hỏi được điệp lại 2 lần: “<i>Trăng ơi... từ đâu đến?</i>”)</li> <li>- Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm cho bài thơ rỏ rên có nhịp điệu, sinh động, gần gũi.</li> <li>+ Nhấn mạnh sự tò mò, ham thích khám phá của tác giả.</li> <li>+ Qua đó thấy được trí tưởng tượng phong phú, sự quan sát tinh tế của tác giả.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>(2) So sánh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên biện pháp tu từ: So sánh</li> <li>- Chỉ ra hình ảnh so sánh: “<i>Trăng hồng như quả chín; Trăng tròn như mắt cá</i>”</li> <li>- Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm cho sự vật trở nên sinh động, gần gũi như thế giới của con người.</li> <li>+ Gọi liên tưởng thú vị về hình ảnh trăng trong con mắt trẻ thơ.</li> <li>+ Qua đó thấy được trí tưởng tượng phong phú, sự quan sát tinh tế của tác giả.</li> </ul> </li> </ul> <p>( Biểu điểm tương tự như biện pháp tu từ điệp ngữ, nếu HS làm cả 2 biện pháp tu từ chỉ chấm 1)</p>	0,5 0,5 0,5 1,0 0,5
<b>II</b>	<b>2</b>	<p><b>a. Yêu cầu về hình thức</b> Đảm bảo một bài văn có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách logic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận,...</p> <p><b>b. Yêu cầu về nội dung:</b> <i>HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:</i></p> <p><b>I. Mở bài</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ trong mùa dịch của bản thân.</li> </ul> <p><b>II. Thân bài</b> Diễn biến trải nghiệm (Học sinh có thể kể lại theo trình tự thời gian, không gian...) nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: + Giới thiệu về thời gian, không gian xảy ra sự việc và có những nhân vật nào liên quan đến câu chuyện. + Tính thống nhất về nội dung câu chuyện. + Kể lại các sự việc của câu chuyện.</p>	

### **III. Kết bài**

- Cảm nghĩ và bài học em rút ra sau trải nghiệm đáng nhớ đó.

#### **Biểu điểm:**

- Điểm 5:

+ Bài làm đúng kiểu văn bản tự sự.

+ Bố cục rõ ràng, mạch lạc, liên kết chặt chẽ.

+ Lời văn biểu đạt chính xác, gọn gàng.

+ Chữ viết đẹp, trình bày sạch, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả.

- Điểm 4:

+ Đạt các yêu cầu trên.

+ Còn mắc vài lỗi chính tả và diễn đạt.

+ Có thể còn thiếu ý trong phần thân bài (nhưng không đáng kể)

- Điểm 3:

+ Bài làm ở mức độ trung bình.

+ Còn mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 2:

+ Vận dụng phương pháp làm bài tập còn yếu.

+ Bố cục không rõ ràng, hợp lí.

- Điểm 1: lạc đề, sai yêu cầu.

- Điểm 0: không làm bài.

**BGH duyệt**

**Tổ-nhóm CM**

**Người ra đề**

*Lê Thị Ngọc Anh*

*Đặng Bích Ngọc*

*Nguyễn Thị Kim Hoa*